

Số: 32 /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 01 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định: số 64/2025/QĐ-UBND, số 72/2025/QĐ-UBND và số 82/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15 và số 147/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Đất đai);

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6076/TTr-SNNMT ngày 25/5/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định: số 64/2025/QĐ-UBND, số 72/2025/QĐ-UBND và số 82/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Công văn số 6523/SNNMT-QLĐĐ ngày 01/6/2026 về việc đề nghị ký ban hành các văn bản QPPL;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định: số 64/2025/QĐ-UBND, số 72/2025/QĐ-UBND và số 82/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An,

Điều 1. Sửa đổi, bãi bỏ một số cụm từ tại Điều 3 của Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh quy định việc rà soát, công



bổ công khai, lập danh mục và giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẽ trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Bãi bỏ cụm từ “để làm căn cứ bổ sung, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất” tại điểm d khoản 1 Điều 3;

2. Sửa đổi cụm từ “Sau khi Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất điều chỉnh được phê duyệt” tại khoản 2 Điều 3 thành “Sau khi kết quả rà soát được phê duyệt”;

3. Bãi bỏ cụm từ “mục I Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai” tại điểm c khoản 3 Điều 3.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Điều kiện:

- Thửa đất dùng để bồi thường phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trước ngày 01/7/2025 hoặc Quy hoạch vùng hoặc Quy hoạch phân khu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thuộc khu quy hoạch chia lô đất ở đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; đã hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Địa phương có quỹ đất ở đủ để bồi thường cho tất cả các đối tượng đủ điều kiện trên cùng địa bàn cấp xã, phường nơi có đất ở bị thu hồi, trong đó ưu tiên vị trí thuận lợi cho người có công với cách mạng.

- Người có đất bị thu hồi đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ trước ngày 01/8/2024; trong đó tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trong 1 dự án (hoặc 02 dự án trở lên triển khai trong cùng thời hạn thông báo thu hồi đất tại 01 địa bàn cấp xã) tối thiểu như sau:

+ Đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm hoặc đất trồng cây lâu năm hoặc đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối): 3.000,0 m²;

+ Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở (không tính diện tích đất sử dụng do có hành vi vi phạm và chỉ áp dụng đối với trường hợp thu hồi toàn bộ thửa đất ở có đất nông nghiệp):

++ Địa bàn các phường, xã: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò, Hoàng Mai, Quỳnh Mai, Tân Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu: 500 m²;

++ Địa bàn các xã còn lại: 1.000 m²;

+ Đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất): 50.000,0 m²”.

2. Bãi bỏ một số cụm từ của Quy định như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành” tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 11;

b) Bãi bỏ cụm từ “Xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi” tại điểm b khoản 3 Điều 13.

3. Bãi bỏ điểm h khoản 4 Điều 13.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 4 Điều 13 như sau:

“g. Chủ trì xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi. Phối hợp với Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng điều tra xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ; tổ chức công bố, niêm yết công khai dự thảo phương án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và phương án đã phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Quyết định số 82/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 quy định các loại giấy tờ khác về quyền sử dụng đất; hạn mức giao đất ở, công nhận đất ở, giao đất nông nghiệp; điều kiện tách thửa, hợp thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Sửa đổi cụm từ “Ngoài việc phải đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024 thì phải đảm bảo các điều kiện sau:” tại Điều 9 thành “Ngoài việc phải đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024 và Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội thì phải đảm bảo các điều kiện sau:”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 10 như sau:

“h) Đối với trường hợp Nhà nước thu hồi theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai mà phần diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi nhỏ hơn diện tích tối thiểu quy định tại điểm này nếu người sử dụng đất đồng ý thu hồi thì người có thẩm quyền thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định:

- Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: 100 m²;
- Đất làm muối, đất nông nghiệp khác: 100 m²;
- Đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất: 500 m².

Các trường hợp khác, giao UBND cấp xã quyết định thu hồi khi đáp ứng các điều kiện: người sử dụng đất không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất và có đơn đề nghị thu hồi đất; phần diện tích đất còn lại của thửa đất sau thu hồi có kích thước, hình thể hoặc vị trí không bảo đảm cho việc tiếp tục sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

UBND cấp xã chịu trách nhiệm quản lý diện tích đất thu hồi và đưa vào sử dụng theo quy hoạch, pháp luật, định kỳ trước ngày 20/12 hàng năm, báo cáo kết

quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để thực hiện công tác kiểm tra, hậu kiểm.

3. Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 10.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11/6/2026.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra VB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (X. Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phùng Thành Vinh